

Số: 100/2020/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 01 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Hồng T, sinh năm 1957.

Địa chỉ cư trú: ấp N (ấp R cũ), xã B, huyện S, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1955.

2/ Ông Lê Mười P, sinh năm 1951.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự xác định tính đến ngày 23/7/2020 bà Nguyễn Thị K và ông Lê Mười P còn nợ hụi bà Dương Hồng T số tiền là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Bà Nguyễn Thị K và ông Lê Mười P có nghĩa vụ trả bà Dương Hồng T số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong thì bà Nguyễn Thị K và ông Lê Mười P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 325.000đ (Ba trăm hai mươi lăm đồng), nguyên đơn bà Dương Hồng T và bị đơn bà Nguyễn Thị K, ông Lê Mười P mỗi bên

nộp ½ án phí là 162.500đ (Một trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng), nhưng bà T và bà K, ông P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà T và bà K, ông P theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong